

Mẫu Hộp: Ex-gas TAB 80



Mẫu Hộp: Ex-gas TAB 80



Ex-gas TAB 80

1. Tên thuốc

Ex-gas TAB 80

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

3. Thành phần công thức thuốc

Thành phần hoạt chất:

Simethicone 80 mg

Thành phần tá dược:

Mannitol, povidone K30, colloidal anhydrous silica, lactose monohydrate, mint flavor, talc, magnesium stearate.

4. Dạng bào chế

Viên nén nhai.

Viên nén tròn, màu trắng, hai mặt khum, trơn.

5. Chỉ định

Ex-gas TAB 80 được chỉ định: Điều trị đầy hơi và trướng bụng ở người lớn.

6. Cách dùng, liều dùng

Cách dùng

Nhai kỹ viên thuốc càng lâu càng tốt. Không nuốt nguyên viên.

Liều dùng

- Người lớn nhai 1 hoặc 2 viên hoàn toàn khi cần sau bữa ăn và trước khi đi ngủ.
 - Không dùng quá 6 viên trong vòng 24 giờ trừ khi có hướng dẫn của bác sĩ.
- 7. Chống chỉ định**
- Quá mẫn với simethicone hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.
 - Thủng hoặc tắc ruột (đã biết hoặc nghi ngờ).
- 8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**
- Thận trọng khi dùng simethicone để điều trị cơn đau bụng ở trẻ nhỏ.
 - Không dùng quá liều khuyến cáo.
 - Tránh đồ uống có carbonat (soda hoặc nước ngọt) hoặc các thức ăn có thể làm tăng lượng khí trong dạ dày.
 - Ex-gas TAB 80 có chứa lactose. Không nên dùng thuốc này cho bệnh nhân có các vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt enzym lactase toàn phần hay kém hấp thu glucose-galactose.
 - Ex-gas TAB 80 có chứa mannitol. Có thể cho tác dụng nhuận trường nhẹ.
- 9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Phụ nữ có thai

Không rõ thuốc có qua được nhau thai hay không, nhưng do hấp thu của simethicone qua ruột bị hạn chế, điều đó làm giảm khả năng phơi nhiễm đối với thai nhi.

Phụ nữ cho con bú

Không biết simethicone có được bài tiết vào sữa mẹ hay không, cũng không có báo cáo về dùng thuốc trong thời kỳ cho con bú. Cần cân nhắc nguy cơ/lợi ích khi sử dụng thuốc này cho bà mẹ đang cho con bú.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Thuốc không có ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác của thuốc

Levothyroxine: Có thể làm giảm hấp thu levothyroxine, dẫn đến giảm hiệu quả của levothyroxine, gây giảm nặng tuyến giáp. Nếu dùng đồng thời hai thuốc này phải uống cách nhau ít nhất 4 giờ. Theo dõi mức TSH và/hoặc các đánh giá khác về chức năng tuyến giáp khi bắt đầu dùng hoặc khi ngừng dùng simethicone khi điều trị levothyroxine.



Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Thường gặp

Tiêu hóa: Tiêu chảy (nhẹ), buồn nôn, nôn, ợ.

Hiếm gặp

Táo bón, phản ứng quá mẫn như phát ban, viêm ngứa, phù mắt, phù lưỡi, khó thở.

13. Quá liều và cách xử trí

Không có ghi nhận trường hợp quá liều. Về lý thuyết, táo bón có thể xảy ra nếu quá liều. Điều trị bằng cách bổ sung chất lỏng và theo dõi bệnh nhân.

14. Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Thuốc khác điều trị rối loạn chức năng ruột.

Mã ATC: A03AX13.

Simethicone là hỗn hợp polydimethylsiloxan và silicon dioxyd, có tác dụng chống tạo bọt. Simethicone làm giảm sức căng bề mặt của các bọt khí, làm vỡ hoặc kết tụ chúng lại và bị tống ra ngoài, nhờ đó có tác dụng chống đầy hơi. Vì vậy, simethicone có tác dụng làm giảm các triệu chứng liên quan đến có quá nhiều khí ở đường tiêu hóa gây ra ở cả người lớn và trẻ em, như khi nuốt phải nhiều khí vào dạ dày hoặc có một số chất khí được tạo ra ở ruột do sự giáng hóa của những thức ăn không được tiêu hóa bởi các vi khuẩn ruột. Simethicone còn được dùng ở dạng kết hợp với thuốc kháng acid, thuốc chống co thắt và enzyme tiêu hóa.

15. Đặc tính dược động học

Simethicone có tính trơ về sinh lý. Sau khi uống, thuốc không hấp thu qua đường tiêu hóa, cũng không cản trở bài tiết acid dạ dày hoặc hấp thu các chất dinh dưỡng. Simethicone được thải trừ dưới dạng không biến đổi trong phân.

16. Quy cách đóng gói

Hộp 3 vỉ xé x 10 viên.

Hộp 5 vỉ xé x 10 viên.

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

17.1. Điều kiện bảo quản

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô. Nhiệt độ không quá 30°C.

17.2. Hạn dùng

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

17.3. Tiêu chuẩn chất lượng

TCCS.

18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc



Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1
Số 40 đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore,
P. An Phú, Tp. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT: (+84 274) 3767 470 Fax: (+84 274) 3767 469



PI300924



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Liễu